TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 22 – 02 - 2024
V*/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Lợi
Ông Nguyễn Văn Hiếu
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 13/2024/QĐST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm: 1955 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Phạm Quang H, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.
Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 14/6/2023.
- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1966 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Nguyễn Văn H, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bé N là hụi viên có trực tiếp tham gia chơi trong dây hụi khui ngày 30/02/2022 âm lịch, có mệnh giá 3.000.000 đồng, hụi tháng, dây hụi có 25 phần, bà N tham gia chơi 03 phần do bà Nguyễn Thị M làm chủ hụi. Việc chơi hụi, đóng tiền hụi sống, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản

ký xác nhận, hình thức chơi hụi ai bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng. Dây hụi này bà N đã đóng được 12 phần hụi sống chưa hốt số tiền 108.000.000 đồng thì chủ hụi là bà M tự ý đơn phương chấm dứt việc chơi hụi, đến nay chưa có trả tiền hụi cho bà N.

Bà Nguyễn Thị Bé N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 108.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/02/2024.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà thừa nhận bà có tổ chức rất nhiều dây hụi do bà làm chủ, bà Nguyễn Thị Bé N có tham gia chơi trong 01 dây hụi đúng như đơn khởi kiện và trình bày. Tuy nhiên, số tiền hụi sống của dây hụi mà phía nguyên đơn tham gia chơi, trình bày và khởi kiện yêu cầu là chưa đúng thực tế số tiền hụi sống đã đóng. Bà N đóng được hụi sống 12 phần số tiền là 67.530.000 đồng chứ không phải 108.000.000 đồng như bà N trình bày thì dây hụi bị bể ngày 15/02/2023 âm lịch. Số tiền nợ hụi này bà đồng ý trả dần cho nguyên đơn hằng tháng là 2.000.000 đồng. Việc bà làm chủ hụi, chồng bà là ông Nguyễn Văn H có biết, mục đích làm chủ hụi là kiếm tiền huê hồng lo cho cuộc sống gia đình. Tuy nhiên khi bể hụi, ông H cự cải với bà và bỏ đi làm không về nhà. Vợ chồng bà sống chung có với nhau 04 con chung và đã ly hôn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/02/2024, ông Nguyễn Văn H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, ông H là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả số tiền nợ góp hụi số tiền 108.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà M hoàn toàn thừa nhận, bà là chủ hụi, bà N là hụi viên có tham gia chơi 03 phần trong dây hụi khui ngày 30/02/2022 âm lịch, có mệnh giá 3.000.000 đồng, hụi tháng, dây hụi có

25 phần nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà N không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền hụi sống bà N đã đóng thực tế và khởi kiện của dây hụi nêu trên là 108.000.000 đồng, bà M không thừa nhận và không đồng ý trả số tiền này; cho rằng nguyên đơn bà N đóng được số tiền hụi sống của dây hụi nêu trên là 67.530.000 đồng. Bà M đồng ý và chấp nhận trả số tiền hụi này cho bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chơi hụi, đóng tiền hụi sống giữa các bên không có lập thành văn bản, giấy tờ, biên nhận thể hiện. Nguyên đơn bà N không có chứng cứ nào chứng minh số tiền hụi sống đã đóng cho bà M như đơn khởi kiện trình bày và yêu cầu. Dây hụi bị bể nữa chừng, chưa hoàn thành giao dịch (Chưa mãn hụi) nên các bên phải hoàn trả cho nhau số tiền đã nhận (Tiền hụi sống thực tế bà N đã đóng cho bà M) theo sự thừa nhận của bị đơn bà M là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà M, ông H phải có nghĩa vụ trả số tiền góp hụi 108.000.000 đồng là chưa có căn cứ, phù hợp hoàn toàn. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N theo sự thừa nhận của bị đơn bà M số tiền hụi là 67.530.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[2] Bà Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[3] Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà M xin trả dần số tiền nợ nêu trên hằng tháng là 2.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn bà N chấp nhận và pháp luật cũng không quy định cho trả dần, đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Bà Nguyễn Thị Bé N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H cùng liên đới trả số tiền nợ hụi 67.530.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, thì ông H và bà M đã ly hôn. Tuy nhiên, các dây hụi bà M làm chủ là vào thời gian năm 2022, thời gian bể hụi là vào ngày 15/02/2023 âm lịch. Số tiền nợ hụi này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà M và ông H, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 16/5/1986, số giấy công nhận kết hôn 53, quyền số 01 (Bút lục số 33), có với nhau 04 người con chung. Bà M khai, bà làm chủ hụi ông H có biết và mục đích làm chủ hụi hưởng huê hồng là để kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có ý kiến phản hồi đối với số tiền nợ hụi nguyên đơn bà N khởi kiện nên xem như ông H đã mặc nhiên thừa nhận. Do đó, xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà M, ông H lúc còn chung sống. Bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M và ông H cùng liên đới trả tiền nợ hụi 67.530.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong đó: phần bà M có nghĩa vụ phải trả là 33.765.000 đồng, phần ông H có nghĩa vụ phải trả là 33.765.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Nguyên đơn bà N là người cao tuổi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà N được miễn nộp án phí đối với 01 phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

- Bà M và ông H (*Ông H không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí)* phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N được chấp nhận theo Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể như sau:

- Bà M phải chịu 33.765.000 đồng x 5% = 1.688.200 đồng.

- Ông H phải chịu 33.765.000 đồng x 5% = 1.688.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N đòi bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H trả tiền nợ góp hụi.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé N số tiền nợ góp hụi là 67.530.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Phần bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ phải trả là 33.765.000 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Phần ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ phải trả là 33.765.000 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hụi nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn Hmỗi người phải chịu số tiền 1.688.200 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Bé N là người cao tuổi không có nộp tiền tạm ứng án phí nên không có hoàn trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương